

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2022

“V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo N;
2. Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị Hồ Thị M; địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Đội 04, Thôn A, xã B, huyện L, tỉnh Quảng Trị (Hiện đã xuất cảnh sang Hàn Quốc), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N đơn: Luật sư Bùi Quang S - Văn phòng Luật sư Bùi Quang Sinh; địa chỉ: Số 20, đường Bùi Thị X, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tài Phú T; địa chỉ: Đội 04, Thôn A, xã B, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tài Phú Q; địa chỉ: Số 44, đường M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa N đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N đơn trình bày:

Chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Tài Phú T đăng ký kết hôn ngày 21/6/2013 tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị M và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014. Hiện tại cháu O và cháu N được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Do việc mang thai với anh T ngoài ý muốn khi tuổi đời còn trẻ, gia đình nhà anh T phải miễn cưỡng chấp thuận hôn nhân của vợ chồng chị M,

anh T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh T và chị M có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ để cùng nhau xây dựng cuộc sống hôn nhân. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong suốt 05 năm, chị M đã cố gắng nhiều cùng sự động viên của gia đình nội ngoại, nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, năm 2017, anh T và chị M tìm lối thoát cho mỗi người bằng cách đi xuất khẩu lao động, hàng tháng gửi tiền về nhờ ông bà nội chăm sóc 02 cháu. Anh T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, còn chị M đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc.

Đến năm 2018, anh T về nước, còn chị M tiếp tục lao động tại Hàn Quốc. Chị M thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Vì vậy, chị M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về tình cảm: Yêu cầu Tòa án cho chị M được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị M đồng ý giao cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 là 2.500.000đồng/cháu/tháng x 02 cháu = 5.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Tài Phú T trình bày:

Trước khi có đơn xin ly hôn, chị M đã sống chung và có con với người khác ở Hàn Quốc, buông bỏ trách nhiệm làm vợ và làm mẹ nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của chị M 5.000.000đồng/tháng/02 cháu. Yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Tiền vú nuôi: 6.000.000đồng/tháng; tiền ăn của vú nuôi: 2.500.000đồng/tháng; tiền lương tháng 13 của vú nuôi: 6.000.000đồng/năm; tiền áo quần hỗ trợ vú nuôi: 3.000.000đồng/năm; tiền ăn, học, học thêm, áp quần, giày dép, thiết bị văn phòng phẩm phục vụ học, sữa uống thêm: 5.000.000đồng/tháng/cháu; tiền thuê xe ôm chở cháu đi học hàng ngày 3.000.000đồng/tháng/02 cháu. Tổng cộng: 269.000.000đồng (*nội dung này thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2022 anh T không yêu cầu xem xét giải quyết*).

- Yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đồng/02 cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con 01 lần.

- Về nợ chung: Anh T nợ anh Nguyễn Tài Phú Q số tiền 400.000.000đồng để trang trải gia đình, phục vụ cho anh T và chị M học tập, đi lại, ăn uống trong thời gian chuẩn bị đi nước ngoài lao động. Đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Hồ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tài Phú T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 cho anh Nguyễn Tài Phú T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hồ Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

N đơn chị Hồ Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tài Phú T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài Phú Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

N đơn chị Hồ Thị M đang lao động tại Hàn Quốc có đơn khởi kiện gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Ngày 27/01/2022, Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đã chứng thực vào đơn khởi kiện của chị M. Ngày 27/9/2021, N đơn chị M có giấy ủy quyền cho Văn phòng Luật sư Bùi Quang Sinh thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án ly hôn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N đơn trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tham gia tố tụng và nhân danh N đơn thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của N đơn trong vụ án ly hôn. Ngày 27/9/2021, Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đã chứng nhận vào Giấy ủy quyền trên. Theo khoản 4 Điều 85 BLTTDS quy định “*Người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự. Đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng*”. Vì vậy, Luật sư Bùi Quang Sinh tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N đơn bà Mến.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/6/2013, chị Hồ Thị M và anh Nguyễn Tài Phú T đăng ký kết hôn tại UBND xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về tình cảm: Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo chị M trình bày: Vợ chồng chị M và anh T không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm chia sẻ để cùng nhau xây dựng cuộc sống hôn nhân. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù gia đình nội ngoại động viên, nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn

gắn được. Còn bị đơn anh T đồng ý ly hôn với chị M. Hội đồng xét xử thấy tình cảm giữa chị M và anh T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tài Phú T.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị M có 02 con chung: Cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị M đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, còn anh T đang là người trực tiếp chăm sóc 02 cháu. Cháu O và cháu N có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với anh T. Chị M đồng ý giao 02 cháu cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị M đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 với số tiền 2.500.000đồng/tháng/cháu x 02 cháu = 5.000.000đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn anh T yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đồng/02 cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con 01 lần. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con hoặc mức cấp dưỡng ít nhất bằng 2/3 mức lương cơ sở và không được thấp hơn 30% mức thu nhập bình quân của người có nghĩa vụ cấp dưỡng trong 06 tháng liền kề. Như vậy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 1.490.000đồng/tháng, mức cấp dưỡng mà chị M đồng ý là 5.000.000đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đồng/02 cháu/tháng.

Về phương thức cấp dưỡng: Căn cứ Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2020 quy định: “...*Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần...*”. Hội đồng xét xử thấy, ngoài nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì chị M còn lo chi phí cho các khoản sinh hoạt khác và anh T không có tài liệu chứng cứ chứng minh chị M có mức thu nhập bao nhiêu để Tòa án có cơ sở xem xét và chị M lao động hưởng lương hàng tháng. Vì vậy, Hội đồng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng 01 lần của anh T, buộc chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho các cháu.

[2.4] Về nợ chung:

Theo đơn phản tố ngày 08/3/2022, anh T cho rằng có nợ anh Nguyễn Tài Phú Q số tiền 400.000.000 đồng và đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị M, anh T. Còn chị M không chấp nhận khoản nợ trên. Ngày 14/3/2022, TAND tỉnh Quảng Trị thông báo cho anh T biết thời gian địa điểm nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố nhưng anh T không nộp tạm ứng án phí. Ngày 23/5/2022, TAND tỉnh Quảng Trị thông báo bổ sung anh Nguyễn Tài Phú Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét khoản nợ 400.000.000 đồng và triệu tập anh Quý để làm rõ khoản nợ và yêu cầu nộp tạm ứng án phí nếu anh Quý có yêu cầu, nhưng anh Quý không có mặt theo giấy triệu tập và không tham gia hòa giải. Vì vậy, Hội

đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết khoản nợ trên nên anh Quý có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn chị Hồ Thị M.

[3] Về án phí: N đơn chị Hồ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tài Phú T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 và cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 cho anh Nguyễn Tài Phú T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Hồ Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hồ Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như sau:

- Cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tài Hoàng O, sinh ngày 24/10/2012 số tiền 2.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tài Phú N, sinh ngày 16/10/2014 số tiền 2.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng cho các cháu được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Về án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000061 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Hồ Thị M phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi.

5. N đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Gio Mai;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thảo N

Phan Thị Gái

Nguyễn Thị Thu Hà

Điều 117. Phương thức cấp dưỡng

Việc cấp dưỡng có thể

24/1999/KHXX NGÀY 17 THÁNG 3 NĂM 1999 VỀ VIỆC GIẢI ĐÁP BỔ SUNG MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và chị Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn chị Nguyễn Thị Hồng, tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Hồng được ly hôn với anh Bùi Minh Sáng.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Thiên Vũ, sinh ngày 28/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Hồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Bùi Minh Sáng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000815 ngày 09/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Anh Bùi Minh Sáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Lương Phan Thị Gái

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

